

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về xây dựng chương trình đào tạo trình độ đại học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 30/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 2196/ BGDĐT-GDDH ngày 22 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo;

Căn cứ Văn bản số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đại học đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1982/2016/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 về việc ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 1389/QĐ-ĐHH ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Huế, các trường đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 1789/QĐ-ĐHH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Giám đốc Đại học Huế về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế nhiệm kỳ 2016-2021;

Căn cứ Quyết định số 1795/QĐ-ĐHH ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và công bố chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại học tại Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 980/QĐ-ĐHSP ngày 03/5/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế về việc ban hành Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi, Mục tiêu giáo dục và trách nhiệm xã hội của Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế;

Xét đề nghị của Trường Phòng Đào tạo Đại học,



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về xây dựng chương trình đào tạo trình độ đại học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học.

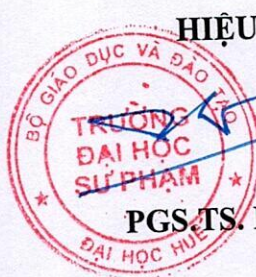
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quyết định về xây dựng chương trình đào tạo được ban hành trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Trường Phòng Đào tạo Đại học, Trường các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

hanh

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTDH, KT&BĐCLGD



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lê Anh Phương



QUY ĐỊNH

về xây dựng chương trình đào tạo trình độ đại học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học

(Ban hành kèm theo Quyết định số 622 /QĐ-ĐHSP ngày 29 tháng 4 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế)

CHƯƠNG I.

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng cho việc xây dựng và phát triển chương trình đào tạo (CTĐT) theo định hướng tiếp cận năng lực người học tại Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Chương trình đào tạo là một hệ thống các hoạt động giáo dục, đào tạo được thiết kế và tổ chức thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo, hướng tới cấp một văn bằng giáo dục đại học cho người học. Chương trình đào tạo bao gồm mục tiêu, khối lượng kiến thức, cấu trúc, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá đối với môn học, ngành học, trình độ đào tạo, chuẩn đầu ra phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Mục tiêu của CTĐT là kỳ vọng của Nhà trường về năng lực và triển vọng nghề nghiệp của người tốt nghiệp CTĐT; thể hiện được định hướng nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng và các bên liên quan; phù hợp và gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển của Nhà trường, nhu cầu của xã hội, mục tiêu giáo dục đại học và Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Chuẩn đầu ra (CDR) là yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học sau khi hoàn thành một chương trình đào tạo, gồm cả yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học khi tốt nghiệp.

Kiến thức là sự am tường, hiểu biết của một cá nhân về nội dung hoặc chủ đề thuộc một lĩnh vực học tập, nghề nghiệp nhất định. Kiến thức bao gồm kiến thức lý thuyết và kiến thức thực tế. *Kiến thức lý thuyết* tập trung vào hệ thống những khái niệm, nguyên tắc, quy luật của các hiện tượng, quá trình trong CTĐT thuộc một lĩnh vực học tập nhất định. *Kiến thức thực tế* là sự am hiểu về thông tin, sự kiện thực tế, được tổng kết, đúc rút từ hoạt động thực tiễn và được chứng minh là đúng đắn.

Kỹ năng là cấp độ áp dụng, thực hiện một công việc, một hoạt động đạt được kết quả đã được định trước trong một khoảng thời gian và mức năng lượng xác định. Kỹ năng trong CDR của một CTĐT tập trung vào 3 kỹ năng cốt lõi, bao gồm: Kỹ năng nhận thức, kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp. Kỹ năng nhận thức là cấp độ nhận biết, lựa chọn, lưu giữ, xử lý thông tin của một cá nhân bao gồm trí nhớ, khả năng xử lý linh hoạt, logic và tốc độ xử lý thông tin. Kỹ năng nghề nghiệp là mức độ áp dụng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình học tập vào thực tế nghề nghiệp. Kỹ năng giao tiếp là cấp độ trao đổi thông tin với người khác bằng lời nói hay bằng văn bản thông qua một ngôn ngữ nhất định trong giao tiếp và ứng xử tại nơi làm việc bao gồm cả kỹ năng làm việc nhóm, cùng

xác định và giải quyết vấn đề, chia sẻ các giá trị, niềm tin, quan điểm, nhu cầu để đạt được mục đích.

Chất lượng và năng lực là phạm vi, mức độ vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và cả niềm tin, hứng thú, ý chí,... của người học trong việc tổ chức, thực hiện hoạt động nghề nghiệp đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể.

Khối lượng học tập tối thiểu (KLHTTT) là số tín chỉ (TC) người học phải tích lũy để đạt được năng lực cần thiết với mỗi ngành ở một trình độ xác định.

Khối lượng học tập được đo bằng TC, là đơn vị tính khối lượng học tập của người học. Một TC được quy định bằng 15 giờ học lý thuyết và 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận và 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 45 giờ thực tập tại cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn, làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp, luận văn, luận án. Một giờ TC được tính bằng 50 phút học tập.

Khối lượng học tập tối thiểu được các chuyên gia phát triển CTĐT xác định, được thể hiện trong CTĐT của một ngành và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Những cấp độ xây dựng và thực hiện chuẩn đầu ra

CĐR được xây dựng và công bố công khai theo 3 cấp độ: Cấp hệ thống, cấp trường và cấp người thực hiện.

1. CĐR ở cấp độ hệ thống do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo xây dựng và ban hành, bao gồm:

- CĐR của một trình độ, được quy định trong Khung trình độ Quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ dưới dạng khung chung cho các trình độ. Khung trình độ Quốc gia Việt Nam quy định CĐR cho một trình độ xác định. Đối với giáo dục đại học có 3 trình độ: Bậc 6 trình độ đại học, Bậc 7 trình độ thạc sĩ và Bậc 8 trình độ tiến sĩ.

- CĐR của các ngành đào tạo do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Hiện nay, việc xây dựng và ban hành CĐR của ngành đào tạo ở cấp hệ thống chưa ban hành. Vì vậy, Trường chủ động xây dựng CĐR chung cho các ngành theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học, đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới và chuẩn nghề nghiệp mới.

2. CĐR cấp độ trường là CĐR của một CTĐT cụ thể của một ngành được phép đào tạo. CĐR cấp độ trường là một phần của CTĐT, do nhà trường tự xây dựng và ban hành. CĐR của một CTĐT phải đảm bảo yêu cầu CĐR của ngành và những yêu cầu cụ thể của Trường. CĐR của CTĐT cụ thể phải phù hợp, đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động, thế giới nghề nghiệp và việc làm.

3. CĐR cấp độ thực hiện là CĐR của một học phần trong CTĐT và được xem là một thành tố của CĐR cấp trường.

Mỗi học phần hay mô-đun có CĐR là một bộ phận cấu thành của CĐR CTĐT. Nội dung học phần hay mô-đun bao gồm các chương, bài phù hợp với CĐR của nó. CĐR của học phần, của một chương hay một bài học do giáo viên, giảng viên, người hướng dẫn xác định dựa trên CĐR của CTĐT. Vì vậy, giảng viên, người hướng dẫn là bên liên quan có vai trò hết sức quan trọng trong việc xác định mục tiêu, CĐR và nội dung CTĐT.

CĐR ở cấp độ thực hiện là sự cụ thể hoá CĐR của CTĐT, là yếu tố quyết định sự hình thành và phát triển năng lực của người học, đảm bảo cam kết về CĐR của nhà trường đối với gia đình người học và xã hội.

CHƯƠNG II. QUY TRÌNH XÂY DỰNG MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA, XÁC ĐỊNH KHỐI LƯỢNG HỌC TẬP

Điều 4. Quy trình xây dựng mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

1. Thành lập Tổ soạn thảo/Ban phát triển CTĐT

a) Mục đích

Chuẩn bị các nguồn lực để xây dựng và thực hiện kế hoạch xây dựng, phát triển CTĐT của một ngành học.

b) Yêu cầu

- Thành viên tổ soạn thảo là những người am hiểu về ngành đào tạo và có năng lực xây dựng, phát triển CTĐT.

- Thành phần của Tổ soạn thảo bao gồm: Đại diện đơn vị chuyên môn liên quan, đại diện phòng đào tạo, một số giảng viên đúng ngành đào tạo, giảng viên giảng dạy đúng ngành từ các trường ĐHSP khác; đại diện một số Sở Giáo dục và Đào tạo và trường phổ thông thuộc cấp học liên quan.

- Tổ trưởng tổ soạn thảo phải là người có trình độ, kinh nghiệm chuyên môn và được các thành viên tín nhiệm.

c) Cách thức thực hiện

- Căn cứ Kế hoạch chiến lược/Kế hoạch hoạt động hằng năm, đơn vị thực hiện đề xuất thành lập Tổ soạn thảo/Ban phát triển CTĐT (sau đây gọi chung là Tổ soạn thảo) bao gồm: Tổ trưởng; thư ký và các thành viên.

- Hiệu trưởng quy định tiêu chuẩn, số lượng thành viên tham gia Tổ soạn thảo.

- Tổ trưởng Tổ soạn thảo lập kế hoạch hoạt động, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Kết quả và minh chứng kèm theo

- Quy định về tiêu chuẩn, số lượng, thành phần Tổ soạn thảo;

- Quyết định thành lập Tổ soạn thảo và danh sách kèm theo;

- Lý lịch khoa học các thành viên Tổ soạn thảo.

2. Khảo sát xác định nhu cầu đào tạo, yêu cầu về năng lực của người học

a) Mục đích

- Đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực của ngành đào tạo trong phạm vi nhất định (địa phương, vùng, toàn quốc);

- Thu thập yêu cầu về năng lực tại các vị trí việc làm, tổng hợp những năng lực chung và năng lực riêng để xây dựng hồ sơ nghề nghiệp và hồ sơ năng lực;

- Xây dựng mối quan hệ với bên sử dụng lao động (các sở GD&ĐT, các trường phổ thông, các cơ sở đào tạo, trung tâm tư vấn giáo dục/công ty giáo dục...) trong việc xây

dựng, phát triển CTĐT; tổ chức dạy và học, đánh giá kết quả người học và tuyển dụng sinh viên sau tốt nghiệp.

b) Yêu cầu

- Xây dựng kế hoạch khảo sát và được lãnh đạo nhà trường phê duyệt;
- Khảo sát, thu thập được thông tin cần thiết về nhu cầu đào tạo, yêu cầu năng lực của các vị trí việc làm trong thực tế nghề nghiệp của ngành đào tạo;
- Xây dựng được Hồ sơ nghề nghiệp của các vị trí việc làm;
- Xây dựng được Hồ sơ năng lực của ngành đào tạo.

c) Cách thức thực hiện

- Xây dựng kế hoạch khảo sát: Tổ soạn thảo CTĐT xây dựng Kế hoạch khảo sát nhu cầu của bên sử dụng lao động bao gồm: các trường phổ thông trong vùng, địa phương, cơ quan quản lý nhà nước và hiệp hội nghề nghiệp.

- Thiết kế Phiếu khảo sát: Nội dung phiếu khảo sát (online hoặc offline) phải được thiết kế để đạt thu được thông tin về năng lực nghề nghiệp của các vị trí công việc. (Phụ lục 1)

- Thực hiện Kế hoạch khảo sát: Căn cứ Kế hoạch khảo sát đã được phê duyệt, các nhóm khảo sát triển khai thực hiện hoạt động khảo sát: Gửi Phiếu khảo sát đến các nhóm đối tượng với số lượng đã xác định theo Kế hoạch đã được phê duyệt; liên hệ với các đối tượng và thực hiện phỏng vấn trực tiếp tại hiện trường học phỏng vấn qua điện thoại. Nội dung phỏng vấn phải được ghi lại để tổng hợp và đánh giá kết quả khảo sát;

- Tổng hợp số liệu, đánh giá kết quả khảo sát: Kết quả khảo sát gián tiếp được tổng hợp bằng cách mã hóa các tiêu chí và nhập số liệu từ các Phiếu khảo sát offline. Kết quả khảo sát trực tiếp được các nhóm tổng hợp và đánh giá theo các nội dung phù hợp với mục đích khảo sát;

- Xây dựng Hồ sơ nghề nghiệp của ngành đào tạo: Từ kết quả khảo sát, tổ soạn thảo xây dựng Hồ sơ nghề nghiệp, mô tả diện mạo các vị trí việc làm trong thực tế hoạt động của ngành được đào tạo. Hồ sơ nghề nghiệp bao gồm: Các vị trí việc làm; yêu cầu về năng lực chuyên môn; năng lực quản lý và những năng lực khác của vị trí việc làm trong thực tế nghề nghiệp. Hồ sơ nghề nghiệp được thể hiện chi tiết trong Phụ lục 2.

- Xây dựng Hồ sơ năng lực: Căn cứ Hồ sơ nghề nghiệp (khảo sát thực tế) và các quy định pháp luật về nghề nghiệp giáo viên (Luật Giáo dục, Luật Giáo dục Đại học, Nghị định, thông tư), tổ soạn thảo tổng hợp những năng lực chung, tương đồng trong các vị trí công việc (năng lực chung) và những năng lực riêng của các vị trí việc làm. Hồ sơ năng lực là căn cứ để xác định mục tiêu, CDR của CTĐT. Hồ sơ năng lực được thể hiện chi tiết như Phụ lục 3.

d) Kết quả và minh chứng kèm theo

- Kế hoạch khảo sát được lãnh đạo trường phê duyệt;
- Phiếu khảo sát (online hoặc offline)
- Báo cáo kết quả khảo sát tại địa phương;
- Hồ sơ nghề nghiệp của ngành đào tạo;

- Hồ sơ năng lực của ngành đào tạo.

3. Xác định mục tiêu đào tạo

a) Mục đích

Chuyển hồ sơ năng lực thành mục tiêu CTĐT của một ngành đào tạo - Tuyên bố của Trường về năng lực của người học có được sau khi hoàn thành CTĐT của một ngành cụ thể.

b) Yêu cầu

- Thể hiện được kỳ vọng của nhà trường về năng lực của người học sau khi hoàn thành khóa học;

- Thể hiện được mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể;

- Mục tiêu phải cụ thể, rõ ràng, liên quan chặt chẽ đến ngành học, có thể đạt được trong thời gian nhất định của một khóa học. Mỗi mục tiêu cụ thể phải được mã hóa bằng chữ các chữ cái và số, bao gồm: POx (x là số bắt đầu từ 1).

c) Cách thức thực hiện

- Từ Hồ sơ năng lực, xác định những năng lực chung cốt lõi, cần thiết và năng lực cụ thể của một ngành đào tạo. Tổ soạn thảo tổng hợp phân tích, lựa chọn những năng lực cần thiết (cốt lõi, thiết yếu, bắt buộc phải có), bao gồm cả năng lực chung và năng lực cụ thể của một ngành đào tạo làm cơ sở xác định mục tiêu CTĐT của một ngành.

- Tổ soạn thảo CTĐT tổng hợp những năng lực cần thiết của một ngành đào tạo gửi các chuyên gia có kinh nghiệm trong Trường và các trường ĐHSP chủ chốt lấy ý kiến góp ý. Ý kiến cộng đồng các chuyên gia được xem là cơ sở xây dựng mục tiêu và CDR của một ngành đào tạo.

- Xây dựng mục tiêu đào tạo: Tổ soạn thảo xây dựng Dự thảo mục tiêu đào tạo bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của một CTĐT. Mục tiêu chung là kỳ vọng của Trường về năng lực của người học sau khi hoàn thành CTĐT đáp ứng yêu cầu của bên sử dụng lao động. Mục tiêu cụ thể là tuyên bố của Trường về phạm vi năng lực của người học bao gồm kiến thức, năng lực, năng lực tự chủ và trách nhiệm của người học sau khi hoàn thành CTĐT.

d) Kết quả và minh chứng kèm theo

Dự thảo Mục tiêu của CTĐT, bao gồm: Mục tiêu chung và Mục tiêu cụ thể của CTĐT.

4. Thiết kế bảng mô tả chuẩn đầu ra của ngành đào tạo

a) Mục đích

Chuẩn hóa cách thức thể hiện CDR CTĐT của một ngành đào tạo.

b) Yêu cầu

- Thể hiện Bảng mô tả dưới dạng ma trận m hàng, n cột;

- Đáp ứng đầy đủ phạm vi CDR Bậc 6, trình độ đại học của Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.

c) Cách thức thực hiện

- Lập Bảng mô tả CĐR được thể hiện dưới dạng ma trận có m hàng và n cột;
- Các cột bao gồm: (i) Phạm vi CĐR; (ii) Những thể hiện về năng lực; (iii) Mức độ thực hiện; (iv) Mã CĐR;
- Các hàng bao gồm: các CĐR cụ thể; mô tả biểu hiện về năng lực của từng CĐR; xác định mức độ cụ thể; ký hiệu mã CĐR.

Bảng mô tả CĐR được thể hiện chi tiết trong Phụ lục 4.

d) Kết quả và minh chứng kèm theo

Bảng mô tả CĐR của CTĐT với nội dung trong phạm vi của CĐR Bậc 6 trình độ đại học của khung trình độ Quốc gia.

5. Mã hóa chuẩn đầu ra

a) Mục đích

Chuyển dạng mô tả năng lực bằng chữ thành một mã ngắn gọn nhằm hỗ trợ quá trình phát triển CTĐT, quản lý, cập nhật CĐR.

b) Cách thức thực hiện

- Phạm vi của CĐR CTĐT được mã hóa bằng các chữ cái bao gồm: PLO;
- Nội hàm của từng phạm vi của CĐR được mã hóa bằng chữ số. Theo quy định của Khung trình độ Quốc gia, trình độ đại học (Bậc 6), phạm vi kiến thức có 04 chỉ số (PLO1, PLO2, PLO3, PLO4); KỸ NĂNG CÓ 02 CHỈ SỐ (PLO5, PLO6); Năng lực tự chủ và trách nhiệm có 02 chỉ số (PLO7, PLO8)

- Những thể hiện của từng chỉ số được mã hóa bằng chữ số thứ hai, cách số thứ nhất một dấu chấm (ví dụ: PLO1.1 là thể hiện thứ nhất về kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật. Mã hóa CĐR được thể hiện chi tiết trong (Phụ lục 4).

c) Kết quả và minh chứng kèm theo

Những phạm vi của CĐR Bậc 6 trình độ đại học của khung trình độ Quốc gia đã được mã hóa.

6. Xác định nội dung chuẩn đầu ra

a) Mục đích

Cụ thể hóa những thể hiện về năng lực trong từng phạm vi của CĐR của ngành đào tạo.

b) Yêu cầu

- Nội dung của CĐR phải phù hợp với nội dung CĐR Bậc 6, trình độ đại học tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016;

- Đưa ra những thể hiện của người học có kiến thức cơ bản, cốt lõi của ngành và kiến thức thực tế của ngành đào tạo;

- Cho thấy những thể hiện người học có kỹ năng nhận thức, kỹ năng chuyên môn, kỹ năng giao tiếp, ứng xử trong hoạt động nghề nghiệp cụ thể của ngành đào tạo;

- Cụ thể hóa năng lực tự chủ và trách nhiệm của người học.

c) Kết quả và minh chứng kèm theo

Những thể hiện cụ thể được xác định cho từng phạm vi của CĐR Bậc 6 trình độ đại học của khung trình độ Quốc gia (Phụ lục 4)

7. Quy định mức năng lực người học cần đạt được

a) Mục đích

Xác định mức năng lực người học cần đạt được, làm cơ sở tính toán định mức về khối lượng học tập để người học hình thành và phát triển năng lực theo yêu cầu của CĐR.

b) Yêu cầu

- Thang đo mức năng lực phù hợp với những cấp độ thể hiện trong CĐR.

- Mức năng lực tối thiểu và tối đa nằm trong phạm vi yêu cầu Bậc 6 của Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.

c) Cách thức thực hiện

- Tổng hợp số cấp độ thể hiện của CĐR để xác định thang đo mức năng lực.

- Mức tối thiểu và tối đa của thang đo nằm trong phạm vi yêu cầu của bậc 6 của Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.

- Ví dụ, với thang đo 3 cấp độ, về kiến thức có các mức: Mức 1. Cơ bản; Mức 2. Đáp ứng yêu cầu chuyên môn; Mức 3. Sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.

d) Kết quả và minh chứng kèm theo

Bảng mô tả CĐR với mức năng lực cụ thể được xác định cho từng thể hiện.

8. Hoàn thiện dự thảo mục tiêu, chuẩn đầu ra, đề nghị lấy ý kiến chuyên gia và các bên liên quan

a) Mục đích

Rà soát thông tin cần thiết, chỉnh sửa, bổ sung nội dung, hình thức mục tiêu, Bảng mô tả CĐR trước khi tham vấn chuyên gia và các bên liên quan.

b) Yêu cầu

Dự thảo có đầy đủ thông tin về phạm vi, những thể hiện cùng với mã hóa và mức năng lực.

c) Cách thức thực hiện

- Tổ soạn thảo họp, rà soát cấu trúc, nội dung mục tiêu, Bảng mô tả CĐR, hoàn thiện dự thảo trước khi lấy ý kiến chuyên gia và các bên liên quan;

- Lập danh sách lựa chọn chuyên gia và các bên liên quan lấy ý kiến về CĐR;

- Gửi văn bản đến chuyên gia và các bên liên quan đã lựa chọn để lấy ý kiến về mục tiêu, CĐR.

d) Kết quả và minh chứng kèm theo

- Bản dự thảo mục tiêu, Bảng mô tả CĐR của ngành đào tạo và công văn gửi lấy ý kiến chuyên gia và các bên liên quan;

- Danh sách chuyên gia và đại diện các bên liên quan bao gồm (nhưng không hạn chế): Các chuyên gia trong các trường sư phạm có ngành đào tạo liên quan; các Vụ - Cục

trực thuộc Bộ GD&ĐT; Sở Giáo dục và Đào tạo, đại diện của một số trường phổ thông tại vùng, địa phương trường đặt cơ sở chính.

9. Tham vấn chuyên gia và các bên liên quan

a) Mục đích

Lấy ý kiến các chuyên gia và các bên liên quan về dự thảo mục tiêu, CĐR CTĐT của một ngành cụ thể.

b) Yêu cầu

- Dự thảo mục tiêu, CĐR của ngành đào tạo phải được gửi đến các chuyên gia và các bên liên quan;

- Dự thảo nhận được sự đồng thuận thông qua Hội thảo trao đổi, thảo luận mục tiêu, CĐR của ngành đào tạo.

c) Cách thức thực hiện

- Gửi Dự thảo đến các chuyên gia và các bên liên quan;

- Thu thập, tổng hợp ý kiến góp ý, tỉ lệ đồng ý với dự thảo

- Tổ chức Hội thảo chuyên gia trao đổi, thảo luận, giải trình ý kiến góp ý để hoàn thiện dự thảo.

d) Kết quả và minh chứng kèm theo

- Các bản nhận xét, góp ý của chuyên gia và các bên liên quan;

- Biên bản Hội thảo lấy ý kiến tham vấn chuyên gia và các bên liên quan.

10. Hoàn thiện mục tiêu, chuẩn đầu ra

a) Mục đích

Chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện mục tiêu, CĐR của ngành đào tạo sau khi tham vấn chuyên gia và các bên liên quan.

b) Yêu cầu

Dự thảo mục tiêu, CĐR được chỉnh sửa, bổ sung theo biên bản hội thảo tham vấn các bên liên quan.

c) Cách thức thực hiện

- Tổ soạn thảo tổ chức họp, thảo luận về ý kiến góp ý của các chuyên gia và hoàn thiện dự thảo;

- Chuẩn bị báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến chuyên gia góp ý dự thảo hoàn thiện mục tiêu, bảng mô tả CĐR;

- Hoàn thiện Dự thảo mục tiêu, CĐR.

d) Kết quả và minh chứng kèm theo

- Biên bản họp Tổ soạn thảo;

- Báo cáo tiếp thu, giải trình;

- Dự thảo mục tiêu, CĐR đã được hoàn thiện.

Điều 5. Xác định khối lượng học tập và chuẩn chương trình đào tạo

1. Xây dựng cấu trúc CTĐT

a) Mục đích

Thiết lập ma trận và cây CTĐT, mô tả mối quan hệ giữa CĐR và các học phần với mức năng lực cụ thể.

b) Yêu cầu

- Thể hiện mối liên kết giữa CĐR và các học phần với mức năng lực cụ thể;
- Thể hiện trình tự thực hiện và mối liên kết giữa các học phần.

c) Cách thức thực hiện

- Lập ma trận CTĐT: Lập bảng m hàng, n cột, mô tả mối quan hệ CĐR, học phần/mô-đun dự kiến và mức năng lực theo yêu cầu của CTĐT, trong đó m là nội hàm CĐR và những thể hiện, n là các cột: Những thể hiện và mức độ thực hiện CĐR, mô-đun kiến thức, học phần dự kiến, thời lượng.

- Từ nội hàm và những thể hiện của CĐR, mức năng lực cần thiết, xác định tên các học phần phù hợp và thời lượng.

- Xây dựng cây CTĐT mô tả cấu trúc và mối liên kết các học phần theo trình tự thời gian và điều kiện ràng buộc. Cây CTĐT được thể hiện dưới dạng hình cây (gốc, cành, nhánh). Góc của cây CTĐT được khởi tạo bằng các học phần liên quan trực tiếp đến CĐR và không cần điều kiện ràng buộc. Cây CTĐT được thể hiện trong Phụ lục 6.

d) Kết quả và minh chứng kèm theo

- Ma trận CTĐT;
- Cây CTĐT.

2. Xác định khối lượng học tập

a) Mục đích

Xác định khối lượng học tập cần thiết để người học có thể hình thành và phát triển theo các cấp độ năng lực đã được xác định trong ma trận CTĐT.

b) Yêu cầu

- Xác định tỷ trọng kiến thức lý thuyết, thực hành và thực tập nghề nghiệp. Trong đó: lý thuyết chiếm từ 40% - 60%; thực hành từ 60% - 40% tùy vào đặc thù từng ngành học.

- Xác định khối lượng học tập của từng học phần;
- Xác định khối lượng toàn bộ CTĐT.

c) Cách thức thực hiện

- Từ ma trận CTĐT và mức năng lực cần đạt, tính khối lượng học tập cho từng học phần;

- Khối lượng học tập của cả CTĐT bằng tổng khối lượng học tập của các học phần.

d) Kết quả và minh chứng kèm theo

Ma trận CĐR với khối lượng học tập cụ thể của từng học phần và của cả CTĐT.

3. Xây dựng chuẩn CTĐT

a) Mục đích

Xác định cấu trúc, nội dung chuẩn CTĐT trình độ đại học các ngành đào tạo giáo viên phổ thông, áp dụng chung cho các trường có ngành đào tạo giáo viên.

b) Yêu cầu

- Thể hiện thông tin chung của ngành đào tạo: Tên chương trình của một ngành đào tạo; Trình độ đào tạo, mã số (nếu có); Khối lượng học tập tối thiểu;

- Mục tiêu đào tạo;
- Chuẩn đầu ra;
- Điều kiện thực hiện CTĐT.

c) Cách thức thực hiện

- Tổng hợp, điền thông tin của mục tiêu, CDR, khối lượng học tập tối thiểu vào chuẩn CTĐT.

- Cấu trúc chuẩn CTĐT được thể hiện trong Phụ lục 7.

d) Kết quả và minh chứng kèm theo

Chuẩn CTĐT thể hiện đầy đủ thông tin của một ngành cụ thể.

4. Nghiệm thu chuẩn CTĐT

a) Mục đích

Đánh giá, công nhận chuẩn CTĐT của một ngành cụ thể trước khi chuyển cho cơ quan quản lý có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và ban hành.

b) Yêu cầu

- Thành viên Hội đồng nghiệm thu là người, am hiểu về ngành đào tạo và có năng lực xây dựng, phát triển CTĐT, không là thành viên ở Tổ soạn thảo;

- Hội đồng có ít nhất là 5 người, bao gồm Chủ tịch Hội đồng, Thư ký và các ủy viên. Hội đồng thẩm định có ít nhất 3 người bên ngoài trường bao gồm;

- Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng.

c) Cách thức thực hiện

- Tổ soạn thảo đề xuất Danh sách Hội đồng nghiệm thu, đề nghị đơn vị có liên quan làm Tờ trình thành lập Hội đồng nghiệm thu chuẩn CTĐT;

- Gửi dự thảo, thu thập ý kiến nhận xét, đánh giá, dự kiến thời gian, địa điểm họp Hội đồng cho Phòng Đào tạo Đại học;

- Tổ chức họp Hội đồng nghiệm thu.

d) Kết quả và minh chứng kèm theo

- Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu và Danh sách kèm theo;

- Bản nhận xét của các thành viên Hội đồng;

- Biên bản nghiệm thu.

CHƯƠNG III.

PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Quy trình phát triển CTĐT của Trường được thực hiện dựa trên quy trình xây dựng mục tiêu, CĐR, xác định khối lượng học tập đã xây dựng và ban hành.

Điều 6. Quy trình phát triển chương trình đào tạo

1. Xây dựng mục tiêu, CĐR của CTĐT

a) Mục đích

Xây dựng mục tiêu, CĐR cho CTĐT cụ thể của Trường.

b) Yêu cầu

- Đảm bảo đầy đủ các bước trong quy trình xây dựng mục tiêu, CĐR của ngành đào tạo;
- Bổ sung những nội dung cần thiết của CTĐT cụ thể vào CĐR của ngành, đáp ứng yêu cầu của CTĐT, của địa phương, vùng, miền cụ thể.

c) Cách thức thực hiện

- Thành lập Tổ soạn thảo/Ban phát triển CTĐT. Yêu cầu và cách thức thực hiện như yêu cầu tại Khoản 1 Điều 4.

- Khảo sát xác định nhu cầu đào tạo, yêu cầu về năng lực của người học của CTĐT cụ thể.

- Xác định mục tiêu đào tạo bao gồm mục tiêu đào tạo của ngành và mục tiêu đã được bổ sung thêm cho CTĐT cụ thể.

- Xây dựng bảng mô tả mục tiêu, CĐR của CTĐT cụ thể bao gồm CĐR của ngành và nội dung bổ sung thêm những năng lực riêng của CTĐT cụ thể.

- Mã hóa mục tiêu, CĐR, xác định nội dung và mức độ năng lực.

- Hoàn thiện dự thảo mục tiêu, CĐR; lấy ý kiến chuyên gia và các bên liên quan và hoàn thiện mục tiêu, CĐR.

d) Kết quả và minh chứng kèm theo

Kết quả của các bước từ Khoản 1 đến Khoản 10 của Điều 4 cho CTĐT cụ thể.

2. Xác định khối lượng học tập cần thiết

a) Mục đích

Xác định khối lượng học tập của CTĐT sau khi đã bổ sung những năng lực của CTĐT.

b) Yêu cầu

- Đảm bảo đầy đủ các bước trong quy trình xác định khối lượng học tập cần thiết của ngành đào tạo;

- Điều chỉnh, bổ sung những học phần của của CTĐT cụ thể vào ma trận và cây CTĐT.

c) Cách thức thực hiện

- Xác định ma trận CTĐT sau khi đã bổ sung các học phần đáp ứng yêu cầu của CĐR.

- Xác định khối lượng học tập cần thiết.

d) Kết quả và minh chứng kèm theo

- Ma trận CTĐT và cây CTĐT cụ thể của Nhà trường;

- Khối lượng học tập cần thiết từ yêu cầu về mức năng lực của mỗi học phần trong CTĐT cụ thể.

3. Đối chiếu, so sánh với CTĐT ở trong và ngoài nước

a) Mục đích

Đối sánh về mục tiêu, CDR, khối lượng học tập cần thiết và cấu trúc CTĐT với một số CTĐT cùng ngành trong các trường đại học sư phạm chủ chốt khác và một vài CTĐT các trường đại học ở trong nước và trên thế giới, đáp ứng yêu cầu nhân lực trong nước và xu hướng phát triển nghề nghiệp trên thế giới.

b) Yêu cầu

- Đánh giá mức độ phù hợp với xu hướng đào tạo giáo viên trong và ngoài nước;

- Bổ sung, điều chỉnh những nội dung còn thiếu trong Dự thảo CTĐT.

c) Cách thức thực hiện

- Rà soát báo cáo phân tích đối sánh các CTĐT của một số trường cùng ngành đào tạo ở trong và ngoài nước và các khuyến nghị điều chỉnh, bổ sung;

- Bổ sung những nội dung theo khuyến nghị của các thành viên Tổ soạn thảo.

d) Kết quả và minh chứng kèm theo

Báo cáo phân tích đối sánh các CTĐT và các khuyến nghị điều chỉnh, bổ sung.

4. Chính sửa, bổ sung mục tiêu, chuẩn đầu ra, cấu trúc CTĐT và khối lượng học tập cần thiết

a) Mục đích

Chính sửa, bổ sung mục tiêu, CDR, cấu trúc CTĐT, khối lượng học tập cần thiết sau khi tham chiếu với các CTĐT cùng ngành trong các trường đại học sư phạm chủ chốt khác và một vài CTĐT các trường đại học ở trong nước và trên thế giới.

b) Yêu cầu

Chính sửa mục tiêu, CDR cấu trúc CTĐT và khối lượng học tập cần thiết (nếu cần).

c) Cách thức thực hiện

- Ban soạn thảo họp, thống nhất những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung theo khuyến nghị của các thành viên;

- Bổ sung những nội dung đã được ban soạn thảo thống nhất.

d) Kết quả và minh chứng kèm theo

Mục tiêu, CDR, cấu trúc CTĐT và khối lượng học tập cần thiết được điều chỉnh, bổ sung (nếu có).

5. Thiết kế đề cương chi tiết các học phần

a) Mục đích

Giới thiệu vị trí, CDR, khối lượng học tập, cấu trúc, nội dung các học phần và hướng dẫn thực hiện.

b) Yêu cầu

- Giới thiệu vị trí của học phần trong CTĐT;
- CDR của học phần;
- Mối liên hệ CDR của học phần với CDR của CTĐT;
- Cấu trúc, nội dung học phần, tỷ lệ lý thuyết và thực hành phù hợp với yêu cầu của CDR;

- Phương pháp dạy, học, đánh giá kết quả học tập phù hợp CDR và nội dung học phần.

c) Cách thức thực hiện

- Từ cây CTĐT, xác định vị trí học phần trong CTĐT,
- Từ ma trận CTĐT, xác định CDR của học phần;
- Từ CDR của học phần, xác định khối lượng học tập lý thuyết và thực hành (TC) và điều kiện thực hiện học phần (Điều kiện tiên quyết).
- Mô tả nội dung học phần
- Hướng dẫn thực hiện học phần: Phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức học tập và phương pháp đánh giá kết quả học tập.
- Mô tả chi tiết nội dung học phần được trình bày như Phụ lục 8.

d) Kết quả và minh chứng kèm theo

Đề cương chi tiết học phần.

6. Hoàn thiện Dự thảo CTĐT

a) Mục đích

Hoàn thiện dự thảo CTĐT để gửi lấy ý kiến các bên liên quan.

b) Yêu cầu

- Dự thảo CTĐT đầy đủ thông tin;
- Cấu trúc, hình thức đáp ứng yêu cầu.

c) Cách thức thực hiện

- Tổng hợp thông tin từ Khoản 1 đến Khoản 5 Điều 5 để xây dựng Dự thảo CTĐT;
- Chương trình đào tạo được trình bày theo cấu trúc quy định (Phụ lục 9).

d) Kết quả và minh chứng kèm theo

Dự thảo CTĐT đầy đủ thông tin, đúng quy định.

7. Lấy ý kiến chuyên gia và các bên liên quan

a) Mục đích

Lấy ý kiến chuyên gia và các bên liên quan ở bên trong và ngoài trường làm cơ sở hoàn thiện Dự thảo CTĐT cụ thể của trường.

b) Yêu cầu

- Dự thảo CTĐT phải được gửi đến các chuyên gia và đại diện các bên liên quan bên trong và ngoài trường;
- Có thông tin phản hồi của các chuyên gia và đại diện các bên liên quan;
- Tổ chức hội thảo trao đổi, thảo luận, lấy ý kiến đồng thuận của các chuyên gia và các bên liên quan.

c) Cách thức thực hiện

- Lựa chọn chuyên gia và các bên liên quan: Chuyên gia từ các trường đại học sư phạm chủ chốt; bên liên quan trong Trường: Phòng Đào tạo, Đảm bảo chất lượng, khoa, bộ môn liên quan; bên liên quan bên ngoài trường: đại diện một số bên liên quan đã tiến hành khảo sát nhu cầu đào tạo ở Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh, đại diện một số trường phổ thông trong khu vực; đại diện cựu sinh viên cùng ngành;

- Gửi Dự thảo CTĐT đến các chuyên gia và đại diện các bên liên quan;
- Thu thập thông tin phản hồi từ các chuyên gia và đại diện các bên liên quan;
- Tổ chức Hội thảo chuyên gia và đại diện các bên liên quan về dự thảo CTĐT.

d) Kết quả và minh chứng kèm theo

- Các bản nhận xét, góp ý của các bên liên quan;
- Biên bản Hội thảo lấy ý kiến các bên liên quan.

8. Hoàn thiện Dự thảo CTĐT

a) Mục đích

Hoàn thiện dự thảo CTĐT trước khi thẩm định, trình cấp có thẩm quyền ban hành.

b) Yêu cầu

Dự thảo CTĐT được chỉnh sửa, bổ sung sau khi lấy ý kiến của chuyên gia và đại diện các bên liên quan.

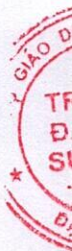
c) Cách thức thực hiện

- Tổ soạn thảo CTĐT họp phân tích, lựa chọn tiếp thu và và giải trình những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung;
- Chỉnh sửa, bổ sung Dự thảo CTĐT;
- Báo cáo tiếp thu và giải trình ý kiến góp ý của các chuyên gia và đại diện các bên liên quan, ghi rõ những nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung và giải trình những nội dung được bảo lưu.

d) Kết quả và minh chứng kèm theo

- Báo cáo tiếp thu và giải trình những ý kiến góp ý CTĐT;
- Dự thảo CTĐT được hoàn thiện.

9. Thẩm định CTĐT



a) Mục đích

Đánh giá dự thảo CTĐT, tư vấn cho cấp có thẩm quyền phê duyệt và đưa vào áp dụng.

b) Yêu cầu

- Hội đồng thẩm định được thành lập với sự tham vấn của Hội đồng khoa học trường;
- Hội đồng thẩm định có số thành viên đáp ứng yêu cầu được quy định tại Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT;

- Biên bản đánh giá chỉ rõ mức độ đáp ứng yêu cầu của CTĐT.

c) Cách thức thực hiện

> Thành lập Hội đồng thẩm định:

- Tổ soạn thảo CTĐT, bộ môn và khoa liên quan nộp sản phẩm cho Hội đồng khoa học trường và đề nghị thành lập Hội đồng thẩm định;

- Hội đồng khoa học trường họp thông qua Dự thảo và đề xuất Hội đồng thẩm định;

- Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT;

- Hội đồng thẩm định có ít nhất 5 thành viên là các giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ đứng ngành/ chuyên ngành đào tạo với chương trình cần thẩm định; trong đó có ít nhất một người đại diện cho các đơn vị sử dụng lao động sau đào tạo; các thành viên Tổ soạn thảo không tham gia Hội đồng thẩm định. Khuyến khích các cơ sở đào tạo mời giảng viên có uy tín của các trường đại học nước ngoài tham gia hội đồng thẩm định chương trình;

- Trường hợp không có người đại diện cho đơn vị sử dụng lao động đủ tiêu chuẩn tham gia Hội đồng thẩm định thì có thể mời người có học vị thạc sĩ từ 3 năm trở lên cùng ngành đào tạo và có cần thiết 5 năm kinh nghiệm thực tiễn thuộc lĩnh vực của CTĐT tham gia làm ủy viên hội đồng thẩm định CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ;

- Hội đồng thẩm định gồm Chủ tịch, Thư ký và một số ủy viên, trong đó có 02 ủy viên phản biện thuộc hai cơ sở đào tạo khác nhau. Cơ sở đào tạo có chương trình cần thẩm định không tham gia hoặc chỉ cử một người tham gia hội đồng thẩm định;

- Trường hợp chương trình cần thẩm định thuộc ngành/chuyên ngành mới, chưa có cơ sở nào ở Việt Nam đào tạo thì Hội đồng thẩm định gồm những người đủ tiêu chuẩn theo quy định này thuộc ngành gần, đã nghiên cứu và công bố ít nhất một công trình khoa học liên quan đến chương trình cần thẩm định (trừ thành viên đại diện cho đơn vị sử dụng lao động).

> Thẩm định CTĐT:

- Căn cứ các quy định hiện hành về phát triển, thẩm định CTĐT; yêu cầu cụ thể của ngành đào tạo để đánh giá: Mục tiêu, CĐR, khối lượng học tập cần thiết, cấu trúc chương trình đào tạo, mô tả chi tiết học phần và cách thức thực hiện chương trình đào tạo;

- Cuộc họp của hội đồng thẩm định phải được ghi thành biên bản chi tiết; trong đó có kết quả biểu quyết về Kết luận của Hội đồng thẩm định, có chữ ký của các thành viên hội đồng;

- Hội đồng thẩm định phải kết luận rõ một trong các nội dung sau: Hội đồng thông qua CTĐT, không cần chỉnh sửa, bổ sung hoặc Hội đồng thông qua CTĐT nhưng yêu cầu phải chỉnh sửa, bổ sung và nêu nội dung cụ thể cần phải chỉnh sửa, bổ sung hoặc Hội đồng không thông qua CTĐT và nêu lý do không được thông qua.

- d) Kết quả và minh chứng kèm theo
- Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định;
 - Biên bản họp Hội đồng thẩm định.

10. Hoàn thiện, phê duyệt CTĐT

a) Mục đích

Hoàn thiện CTĐT trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Yêu cầu

- Nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của Hội đồng thẩm định;
- Chính sửa, bổ sung, hoàn thiện CTĐT;
- Phê duyệt, ban hành CTĐT.

c) Cách thức thực hiện

- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định, Tổ soạn thảo hoàn thiện CTĐT, trình Hội đồng khoa học họp thông qua CTĐT;

- Hội đồng khoa học họp thông qua CTĐT đã được thẩm định và đề nghị Hiệu trưởng trường/Giám đốc học viện ký quyết định phê duyệt, ban hành CTĐT với ngành đã được phép đào tạo hoặc phê duyệt Đề án mở ngành trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt với ngành chưa được phép đào tạo.

Trường công bố công khai CTĐT, mục tiêu, CDR của CTĐT và các điều kiện đảm bảo thực hiện trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo.

d) Kết quả và minh chứng kèm theo

- Văn bản tiếp thu, giải trình của Tổ soạn thảo;
- Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo;
- Quyết định ban hành CTĐT.

Điều 7. Rà soát hoạt động phát triển CTĐT cụ thể của trường

Nội dung phần này tập trung vào việc rà soát quy trình phát triển, thẩm định và ban hành CTĐT cụ thể của Nhà trường.

1. Mục đích: Rà soát hoạt động phát triển CTĐT theo quy trình phát triển CTĐT cụ thể của trường; chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện CTĐT của Nhà trường.

2. Yêu cầu: Đáp ứng yêu cầu các bước từ Khoản 1 đến Khoản 10 Điều 4.

3. Cách thức thực hiện

- Căn cứ yêu cầu, cách thức thực hiện rà soát lại các bước của quy trình phát triển CTĐT của Nhà trường;

- Bổ sung các hoạt động tại các bước còn thiếu;

- Điều chỉnh nội dung, kết quả các bước phù hợp với yêu cầu

4. Kết quả và minh chứng kèm theo

Kết quả rà soát theo yêu cầu các bước từ Khoản 1 đến Khoản 10 Điều 4.

CHƯƠNG IV.

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Xây dựng và thực hiện Quy định xây dựng chương trình đào tạo theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học

Căn cứ Quyết định này và các Quy định hiện hành khác có liên quan, lãnh đạo các đơn vị có trách nhiệm:

1. Các Khoa chuyên môn triển khai việc xây dựng chuẩn đầu ra, xác định khối lượng học tập tối thiểu và phát triển CTĐT tiếp cận theo năng lực người học theo kế hoạch của Trường và cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bên liên quan, nhất là các khoa chuyên môn với các cơ sở sử dụng sinh viên tốt nghiệp. Hằng năm, thực hiện việc rà soát, cập nhật chương trình đào tạo, xây dựng chương trình dạy học cho từng khoa tuyển sinh; định kỳ rà soát, cập nhật và ban hành chuẩn đầu ra.

2. Phòng ĐTĐH chủ trì tập huấn cho giảng viên, cán bộ quản lý tham gia xây dựng CTĐT; thực hiện lập dự toán trình Hiệu trưởng phê duyệt kinh phí thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị báo cáo Hiệu trưởng qua Phòng Đào tạo Đại học để xử lý.

nam

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Lê Anh Phương

